TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **65**/2019/QĐST-DS	*Châu Thành, ngày 24 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 174/2019/TLST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1952;

Nơi cư trú: 39, Phường X, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh K, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: 84, ấp M, xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Khoa: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1968 và chị Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1992; cùng nơi cư trú: 84, ấp M, xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1968;

3.2. Chị Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1992;

Cùng nơi cư trú: 84, ấp M, xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.3. Chị Lê Thị L, sinh năm 1972;

3.4. Anh Lê Tấn T, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: 39, Phường X, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Lê Thị Bé H, sinh năm 1953;

Nơi cư trú: 100A, Phường A, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Lê Thị Bé H chịu trách nhiệm dành phần đất có diện tích qua đo đạc là 34,4m^2 thuộc một phần của thửa 378 (thửa 378-1) tờ bản đồ 14 tọa lạc xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm lối đi chung.

Ông Lê Minh K, bà Nguyễn Thị Kim P, chị Lê Thị Huỳnh N chịu trách nhiệm dành phần đất có diện tích qua đo đạc là 46,4m^2 thuộc một phần của thửa 377 (thửa 377-1) tờ bản đồ 14 tọa lạc xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do ông K, bà P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm lối đi chung.

Bà Lê Thị T chịu trách nhiệm dành phần đất có diện tích qua đo đạc là 80,3m^2 thuộc một phần của thửa 392 (thửa 392-1) tờ bản đồ 14 tọa lạc xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm lối đi chung.

Vị trí lối đi nằm ở hướng Bắc thửa 378, hướng Đông thửa 377, thửa 392 và có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo.

2. Bà T chịu trách nhiệm trả cho ông K, bà P số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để đền bù đối với phần lối đi trên thửa 378 của bà Huệ (theo thương lượng của bà H, ông K, bà P).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận việc bà Trang, bà H, ông K, bà P không yêu cầu xem xét về cây trồng trên phần đất có lối đi (không yêu cầu đền bù); ông K, bà P không yêu cầu đền bù đối với phần lối đi trên thửa 377; bà T không yêu cầu đền bù đối với phần lối đi trên thửa 392.

Bà T, bà H, ông K, bà P được quyền cải tạo để có lối đi thuận tiện trong phần diện tích đất có lối đi nêu trên (34,4m^2 của bà H ; 46,4m^2 của bà P, ông K; 80,3m^2 của bà T).

3. Chi phí thu thập chứng cứ tổng cộng là 1.895.000đ (một triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng) nguyên đơn nhận chịu toàn bộ và đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà T nhận chịu nhưng bà Trang là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền